

Số: 1344/ KH-GDDT-TH

Gò Vấp, ngày 04 tháng 12 năm 2017

KẾ HOẠCH
Tổ chức thực hiện kiểm tra cuối học kì I - Cấp Tiểu học
Năm học: 2017-2018

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn 4057/GDDT-TH ngày 23 tháng 11 năm 2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn kiểm tra cuối học kì I, năm học 2016-2017 cấp Tiểu học;

Căn cứ Công văn số 3287/GDDT-TH ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn chuyên môn cấp Tiểu học năm học 2017-2018;

Căn cứ Công văn số 4509/GDDT-TH ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn kiểm tra cuối học kì I, năm học 2017-2018 cấp Tiểu học;

Thực hiện Kế hoạch số 926/KH-GDDT-TH ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp về công tác giáo dục Tiểu học năm học 2017-2018,

Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp xây dựng Kế hoạch hướng dẫn việc kiểm tra cuối học kì I, năm học 2017-2018 của cấp Tiểu học như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

- Kiểm tra cuối học kì I là việc làm bình thường nhằm nắm bắt tình hình học sinh trong công tác giáo dục của nhà trường.

- Hiệu trưởng nhắc nhở giáo viên không gây áp lực cho cha mẹ học sinh và các em học sinh trước khi kiểm tra. Trong khi kiểm tra, giáo viên chủ nhiệm coi kiểm tra tại lớp mình phụ trách, tổ chức cho học sinh làm dưới dạng một bài kiểm tra bình thường, nghiêm túc, nhẹ nhàng, không gây căng thẳng.

- Khi chấm bài, giáo viên ghi nhận những hạn chế của học sinh trong quá trình làm bài, kèm theo lời nhận xét tường minh để giúp giáo viên và phụ huynh có cơ sở tập trung bồi dưỡng và rèn luyện cho học sinh trong học kì II.

2. Yêu cầu

Nội dung kiểm tra đảm bảo các nguyên tắc:

- Đối với các môn kiểm tra cần bám sát những quy định tại Điều 10, Thông tư 22/2014/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời tiếp tục bám sát các hướng dẫn cụ thể tại Công văn 4057/GDDT-TH ngày 23 tháng 11 năm 2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Căn cứ Chuẩn kiến thức, kỹ năng các môn học và yêu cầu giám tải theo đúng phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Câu lệnh trong đề kiểm tra cần tường minh, chặt chẽ, khoa học. Phần hướng dẫn chấm phải rõ ràng và có đáp án chính xác.

- Coi trọng sự tiến bộ của học sinh trong học tập và rèn luyện.

- Đề kiểm tra cần được xem xét cẩn thận, tránh sai sót. Trong trường hợp đơn vị có điều chỉnh, thay đổi đề kiểm tra phải báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo.

II. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

1. Thời gian thực hiện kiểm tra cuối học kì I

- Việc kiểm tra cuối học kì I do các trường tiểu học sắp xếp lịch cho phù hợp với Kế hoạch số 926/KH-GDDT-TH ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp về công tác giáo dục Tiểu học năm học 2017-2018 và kế hoạch thời gian năm học 2017-2018 của cấp học.

- Thời gian kiểm tra cuối học kì I: **Từ ngày 11/12/2017 đến ngày 22/12/2017.**

- Các trường chủ động xếp lịch kiểm tra cuối học kì I và gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo vào ngày 05/12/2017 (theo *Lịch công tác ngành*).

2. Việc ra đề kiểm tra cuối học kì I

Đề kiểm tra giao nhiệm vụ cho Hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện (phân công soạn và duyệt đề) với các yêu cầu sau:

- Thực hiện theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT (Điều 15, khoản 2, điểm b và Điều 18, khoản 2), theo đó Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn ra đề kiểm tra định kì; tuy nhiên để có được sự thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện, đồng thời đảm bảo sự khách quan, chất lượng của đề kiểm tra, Phòng Giáo dục và Đào tạo khuyến khích các trường thực hiện việc ra đề kiểm tra theo phương án: đề kiểm tra sẽ do giáo viên chủ nhiệm soạn, sau đó nộp về cho tổ chuyên môn. Tổ chuyên môn chọn lọc và gửi cho Ban Giám hiệu từ 2 đến 3 đề (trừ trường hợp đặc biệt khi trường chỉ có 1 lớp/khối thì chỉ cần gửi 1 đề). Ban Giám hiệu sẽ chịu trách nhiệm duyệt đề và chọn lại 2 đề (1 đề chính thức và 1 đề dự phòng) làm đề kiểm tra cuối học kì I cho khối.

- Đề kiểm tra cần chính xác và khoa học, đánh giá được kết quả thực chất của học sinh; đảm bảo bám sát theo chuẩn kiến thức và kỹ năng của từng khối lớp, tỷ lệ kiến thức trong đề được phân bố tương đối như sau:

+ **Mức 1:** Nhận biết, nhắc lại được kiến thức, kỹ năng đã học: **40%.**

+ **Mức 2:** Hiểu kiến thức, kỹ năng đã học, trình bày, giải thích được kiến thức theo cách hiểu của cá nhân: **30%.**

+ **Mức 3:** biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề

quen thuộc, tương tự trong học tập, cuộc sống: **20%**.

+ **Mức 4:** vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập, cuộc sống một cách linh hoạt: **10%**.

- Tuy nhiên, không quá nguyên tắc đảm bảo tỷ lệ kiến thức trong đề nhất thiết phải được phân bố theo tỷ lệ 4 mức: 4 - 3 - 2 - 1.

- Trường ra đề, sao in và giao đến các lớp.

- Các trường thực hiện nghiêm túc việc niêm phong tủ, phòng đựng đề kiểm tra và thiết lập các biên bản theo quy định.

3. Nội dung hướng dẫn kiểm tra cuối học kì I

- Đối với các môn kiểm tra cần bám sát những quy định tại Điều 10 - Thông tư 22/2014/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể đối với từng môn cần lưu ý:

3.1. Môn Toán:

a) Thời gian làm bài:

- Lớp 1: 35 phút.

- Lớp 2, 3, 4, 5: 40 phút.

b) Hình thức:

- Trắc nghiệm: 3 điểm.

- Tự luận: 7 điểm.

c) Đối với các mạch kiến thức:

- Số học (khoảng 50%): Củng cố về các vòng số và các phép tính trên các vòng số.

- Đại lượng và đo đại lượng (khoảng 30%) : tập trung về các bảng đơn vị đo.

- Yếu tố hình học (khoảng 20%): Xoay quanh các hình trọng tâm trong chương trình đã học.

- Giải toán có lời văn: tăng cường các bài toán phát triển năng lực, thông qua các tình huống trong thực tế cuộc sống được tích hợp vào trong ba mạch kiến thức trên với mức độ khác nhau, chủ yếu ở mức độ vận dụng. Không ra các dạng toán khó trong chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi. Lưu ý:

+ Lớp 1: Nhìn mô hình điền phép tính.

+ Lớp 2: 1 lời giải và 1 phép tính.

+ Lớp 3: tối đa 2 lời giải và 2 phép tính.

+ Lớp 4: tối đa 3 lời giải và 3 phép tính.

+ Lớp 5: tối đa 4 lời giải và 4 phép tính.

*** Ra đề kiểm tra theo ma trận:**

- Khung ma trận, mỗi ô trong khung nêu: Nội dung kiến thức, kĩ năng cần

KH
PH
IAO
D
9 MAY

đánh giá; Hình thức các câu hỏi; Số lượng câu hỏi; Số điểm dành cho các câu hỏi.

- Khung ma trận câu hỏi, mỗi ô trong khung nêu: Hình thức các câu hỏi; Số thứ tự của câu hỏi trong đề; Số điểm dành cho các câu hỏi.

3.2. Môn Tiếng Việt:

a) Việc ra đề Môn Tiếng Việt:

- Việc ra đề Môn Tiếng Việt bám sát các nội dung quy định tại Điều 10, Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT và công văn của Sở Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về các mức độ nhận thức cần đạt trong đề kiểm tra;

- Cần chú ý khắc phục những điểm góp ý về đề kiểm tra tại các đợt sinh hoạt chuyên môn trước đây: Cấu trúc ma trận đề (số điểm từng câu, mức độ nhận thức của câu hỏi, số câu hỏi, tính chính xác của ma trận và đề, ...) mức độ đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng, cách ra câu lệnh, nội dung hỏi ở mức độ nhận thức 4, độ “mở” của đề Tập làm văn, ...

- Khuyến khích sử dụng các văn bản ngoài sách giáo khoa đối với nội dung Đọc thầm; áp dụng các bài tập luyện viết (đối với học sinh lớp 1), bài tập Luyện từ và Câu mới, mẫu bài tập hướng đến khắc phục lỗi chính tả phương ngữ của học sinh theo nội dung đã được tập huấn, nội dung đề (đặc biệt là đề Đọc thầm) cần hướng đến việc kiểm tra khả năng đọc và đọc hiểu của học sinh (tiến đến khuyến khích văn hóa đọc trong các giai đoạn giảng dạy sau, ...)

b) Việc tính điểm môn Tiếng Việt:

- Việc tính điểm cho bài kiểm tra Tiếng Việt tiếp tục được thực hiện theo quy định tại Công văn số 3287/GDĐT-TH ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn chuyên môn cấp Tiểu học năm học 2017-2018. Kết quả kiểm tra là kết quả trung bình cộng từ 04 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết.

- Bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt gồm có hai kỹ năng: kỹ năng Đọc và kỹ năng Viết.

+ Điểm kiểm tra cho từng kỹ năng Đọc và Viết là **tổng điểm** của các nội dung trong từng kỹ năng và **không được làm tròn**. Ví dụ: điểm nội dung Đọc thầm là 5, nội dung Đọc thành tiếng là 3,5; như vậy điểm của kỹ năng Đọc là 8,5.

+ Điểm bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt là **trung bình cộng** điểm của 2 kỹ năng Đọc, Viết **quy về thang điểm 10 (chia số điểm thực tế cho 2) và được làm tròn 0,5 thành 1**. Ví dụ: điểm kiểm tra của 2 kỹ năng Đọc, Viết là 19, quy về thang điểm 10 là 9,5 (làm tròn số thành 10).

+ Cách tính điểm cho từng nội dung của mỗi kỹ năng ở từng lớp vẫn thực hiện như quy định trước đây.

3.3. Môn Khoa - Sử - Địa:

- **Môn Khoa học:** Kiểm tra cho điểm cuối học kì I và cả năm.

- **Môn Lịch sử và Địa lý:** Kiểm tra cho điểm cuối học kì I và cả năm. Mỗi phân môn chiếm 50% số lượng kiến thức của bài kiểm tra.

a) Xác định hình thức đề kiểm tra:

- Đề kiểm tra (viết) có các hình thức sau:
 - + Đề kiểm tra tự luận;
 - + Đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan;
 - + Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức trên: có cả câu hỏi dạng tự luận và câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan.

- Mỗi hình thức đều có ưu điểm và hạn chế riêng nên cần kết hợp một cách hợp lý các hình thức sao cho phù hợp với nội dung kiểm tra và đặc trưng môn học để nâng cao hiệu quả, tạo điều kiện để đánh giá kết quả học tập của học sinh chính xác hơn.

- Có thể soạn đề kiểm tra kết hợp hai hình thức: phần trắc nghiệm khách quan độc lập với bài kiểm tra phần tự luận. Thực hiện ma trận theo 4 mức độ (Như phần hướng dẫn thực hiện Thông tư 22).

- Số lượng câu hỏi không quá 10 câu cho mỗi bài kiểm tra.

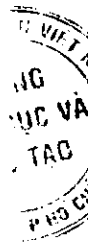
b) Thời gian làm kiểm tra: Từ 35 đến 40 phút.

c) Các yêu cầu đối với câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn:

- Câu hỏi phải đánh giá những nội dung quan trọng của chương trình.
- Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng.
- Câu dẫn phải đặt ra câu hỏi trực tiếp hoặc một vấn đề cụ thể.
- Không nên trích dẫn nguyên văn những câu có sẵn trong sách giáo khoa.
- Từ ngữ, cấu trúc của câu hỏi phải rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi học sinh.
- Mỗi phương án nhiều phải hợp lý đối với những học sinh không nắm vững kiến thức.
- Mỗi phương án sai nên xây dựng dựa trên các lỗi hay nhận thức sai lệch của học sinh.
- Đáp án đúng của câu hỏi này phải độc lập với đáp án đúng của các câu hỏi khác trong bài kiểm tra.
- Phần lựa chọn phải thống nhất và phù hợp với nội dung của câu dẫn.
- Mỗi câu hỏi chỉ có một đáp án đúng, chính xác nhất.
- Hạn chế đưa ra phương án “Tất cả các đáp án trên đều đúng” hoặc “không có phương án nào đúng”.

d) Các yêu cầu đối với câu hỏi tự luận (vận dụng và vận dụng phản hồi):

- Câu hỏi phải đánh giá nội dung quan trọng của chương trình.
- Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng.
- Câu hỏi yêu cầu học sinh phải vận dụng kiến thức vào các tình huống mới.



- Câu hỏi thể hiện rõ nội dung và cấp độ tư duy cần đo.
- Nội dung câu hỏi đặt ra một yêu cầu và các hướng dẫn cụ thể về cách thực hiện yêu cầu đó.
- Yêu cầu của câu hỏi phù hợp với trình độ và nhận thức của học sinh.
- Yêu cầu học sinh phải hiểu và vận dụng nhiều, nâng cao hơn là ghi nhớ những khái niệm, thông tin.

3.4. Môn Tin học:

a) Thời gian làm bài kiểm tra:

- Bài kiểm tra tin học được tiến hành trong thời gian một tiết học, với 30% thời gian cho bài tập lý thuyết và 70% cho bài tập thực hành.

b) Đề kiểm tra:

- Hiệu trưởng trách nhiệm phân công giáo viên ra đề kiểm tra.
- Đề kiểm tra bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn tin học được hướng dẫn kèm theo văn bản số 3393/GDDT-TH, được xây dựng từ ma trận đề kiểm tra.
- Khuyến khích ra đề kiểm tra lý thuyết dưới dạng trắc nghiệm, có thể sử dụng các phần mềm tạo trắc nghiệm để chuẩn bị sẵn cho học sinh làm bài trắc nghiệm ngay trên máy tính.
- Đề kiểm tra thực hành bảo đảm có từ hai bài tập trở lên từ cơ bản (Thực hành theo mẫu cho sẵn) đến nâng cao (Thực hành sáng tạo).
- Đánh giá: Kết quả kiểm tra là kết quả tổng cộng từ hai phần lý thuyết và thực hành với tỉ lệ 50% lý thuyết và 50% thực hành.

3.5. Môn Tiếng Anh: (Tăng cường TA - TA Tự chọn - TA Đề án)

- Trường chủ động sắp xếp lịch kiểm tra cuối học kì I (sau khi kiểm tra các môn tiếng Việt).

a) Nội dung kiểm tra:

- Nội dung đề kiểm tra cần đáp ứng theo yêu cầu của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Bộ GD&ĐT và tiệm cận với các chuẩn đánh giá quốc tế (Cambridge hoặc TOEFL Primary).

- Bám sát theo công văn số 2618/GDDT-TH ngày 09 tháng 8 năm 2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo về “Hướng dẫn chuyên môn tiếng Anh cấp Tiểu học năm học 2016-2017”.

- Học sinh học theo bộ sách nào, đề kiểm tra được soạn trên ngữ liệu của sách đó (**Gogo Loves English, Family and Friends - Special Edition, Let's Learn English, UK English Program**).

b) Thời gian làm bài kiểm tra:

- Bài kiểm tra cuối học kì I môn tiếng Anh được tiến hành trong thời gian 40 phút cho 03 kỹ năng: Nghe (10 phút), Viết (15 phút), Đọc (15 phút). Riêng kỹ năng Nói, giáo viên kiểm tra theo các tiết dạy trên lớp.

c) Đề kiểm tra:

*** Mức độ đánh giá đối với học sinh chương trình TCTA (8 tiết/tuần) học kì I:**

- **Lớp 1:** không thực hiện kiểm tra cuối học kì I.
- **Lớp 2:** Độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối học kì I đạt 1 trong các chuẩn sau
+ 10/15 khiên của mức độ STARTERS.
+ 2 sao/TOEFL Primary Step 1.
- **Lớp 3:** độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối học kì I đạt 1 trong các chuẩn sau
+ 15/15 khiên của mức độ STARTERS.
+ 3 sao/TOEFL Primary Step 1.
- **Lớp 4:** độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối học kì I đạt 1 trong các chuẩn sau
+ 10/15 khiên của mức độ MOVERS.
+ 4 sao/TOEFL Primary Step 1.
+ 2 huy hiệu / TOEFL Primary Step 2.
- **Lớp 5:** độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối học kì I đạt 1 trong các chuẩn sau
+ 10/15 khiên của mức độ FLYERS.
+ 3 huy hiệu/TOEFL Primary Step 2.

*** Mức độ đánh giá đối với học sinh chương trình Tiếng Anh tự chọn và Tiếng Anh Đề án (4 tiết/tuần) học kì I:**

- **Lớp 1:** không thực hiện kiểm tra cuối học kì I.
- **Lớp 2:** độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối học kì I đạt 1 trong các chuẩn sau:
+ 5/15 khiên của mức độ STARTERS.
+ 1 sao/TOEFL Primary Step 1.
- **Lớp 3:** độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối học kì I đạt 1 trong các chuẩn sau:
+ 8/15 khiên của mức độ STARTERS.
+ 2 sao/TOEFL Primary Step 1.
- **Lớp 4:** độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối học kì I đạt 1 trong các chuẩn sau:
+ 12/15 khiên của mức độ STARTERS.
+ 3 sao/TOEFL Primary Step 1.
+ 1 huy hiệu / TOEFL Primary Step 2.
- **Lớp 5:** độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối học kì I đạt 1 trong các chuẩn sau:
+ 8/15 khiên của mức độ MOVERS.
+ 2 huy hiệu/TOEFL Primary Step 2.

*** Đánh giá:**

- Kết quả kiểm tra là kết quả trung bình cộng từ 04 kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết.

4. Việc chấm bài kiểm tra cuối học kì I

- Việc chấm bài do giáo viên chủ nhiệm chấm.

- Thực hiện đánh giá và nhận xét theo quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT.

- Bài kiểm tra cuối kì được giáo viên sửa lỗi, nhận xét những ưu điểm và góp ý những hạn chế, cho điểm cuối cùng theo thang điểm 10 (mười), không cho điểm 0 (không) và điểm thập phân, đồng thời trả lại cho học sinh theo quy định tại của Sở Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Trường tổ chức họp rút kinh nghiệm sau kiểm tra cuối học kì I

- Hiệu trưởng theo dõi, chỉ đạo việc kiểm tra và thống kê đánh giá, phân tích kết quả để thông báo trong Hội đồng sư phạm về những mặt làm được, những mặt còn hạn chế phải khắc phục ở từng lớp, trong toàn trường với từng thành viên trong Hội đồng sư phạm để thực hiện tốt hơn trong học kì II.

Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp đề nghị các trường tiểu học triển khai Kế hoạch kiểm tra cuối học kì I đến từng giáo viên để thực hiện. Việc tổ chức kiểm tra cuối học kì I, năm học 2017-2018 thực hiện đúng quy định, nghiêm túc, chất lượng nhưng nhẹ nhàng, không căng thẳng, không tạo áp lực cho giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (để báo cáo) ;
- Trường phòng GD&ĐT (để báo cáo);
- Các trường TH (để thực hiện);
- Lưu: VP, PT.

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Vũ Thị Thơ